**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY TUẦN 8**

**Từ ngày 26/10/ 2020 đến ngày 30/10/ 2020**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ**  **ngày** | **Buổi** | **Tiết** | **Môn** | **Tên bài dạy** | **ĐDDH** |
| 2  26/10 | Sáng | 1 | Chào cờ | Sinh hoạt dưới cờ: Tuyên dương tấm gương Nhi đồng chăm ngoan |  |
| 2 | Đạo đức | Bài 7: Quan tâm, chăm sóc ông bà |  |
| Chiều | 1 | T. Việt | Bài 31: an ăn ân - Tiết 1 | Thẻ từ |
| 2 | T. Việt | Bài 31: an ăn ân - Tiết 2 | Thẻ từ |
| 3 | Ôn T. Việt | Ôn an ăn ân |  |
| 3  27/10 | Sáng | 3 | T. Việt | Bài 32: on ôn ơn - Tiết 1 | Thẻ từ |
| 4 | T. Việt | Bài 32: on ôn ơn - Tiết 2 | Thẻ từ |
| 4  28/10 | Sáng | 1 | T. Việt | Bài 33: en ên in un - Tiết 1 | Thẻ từ |
| 2 | T. Việt | Bài 33: en ên in un - Tiết 2 | Thẻ từ |
| 3 | Âm nhạc | Hát: Tổ quốc ta. Vận dụng - Sáng tạo: Cao - Thấp |  |
| 4 | Mỹ thuật | Nét vẽ của em - Tiết 3 |  |
| Chiều | 1 | T. Việt | Ôn on ôn ơn | Thẻ từ |
| 2 | T. Việt | Ôn en ên in un | Thẻ từ |
| 3 | HĐTN | Bài 4: Yêu thương con người (Tiết 3) |  |
| 5  29/10 | Sáng | 3 | T. Việt | Bài 34: am ăm âm - Tiết 1 | Thẻ từ |
| 4 | T. Việt | Bài 34: am ăm âm - Tiết 2 | Thẻ từ |
| 6  30/10 | Sáng | 1 | T. Việt | Bài 35: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1 | Thẻ từ |
| 2 | T. Việt | Bài 35: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2 | Thẻ từ |
| 3 | Ôn T. Việt | Ôn am ăm âm |  |
| 4 | HĐTT | Sinh hoạt sao: Sơ kết tuần, lập kế hoạch tuần tới |  |

Duyệt của chuyên môn Người lập

Lại Thị Hoa

**Tiết 1: Sinh hoạt dưới cờ**

**Tuyên dương tấm gương Nhi đồng chăm ngoan**

**I. Mục tiêu:**

- Biết đánh giá kết quả hoạt động;

- Biết chia sẻ, trình bày, hợp tác cùng các bạn.

**II. Chuẩn bị:**

- Hệ thống âm thanh phục vụ hoạt động;

- Phần thưởng lưu niệm cho tất cả các Sao nhi đồng chăm ngoan;

**III. Các hoạt động**

**1. Hoạt động 1: Chào cờ**

- HS điểu khiển lễ chào cờ.

- Lớp trực tuần nhận xét thi đua.

- TPT hoặc đại diện BGH phổ biến công tác tuần mới.

**2. Hoạt động 2: Tuyên dương tấm gương Nhi đồng chăm ngoan**

**\* Bước 1: Tổng kết:**

- Số lượng đạt danh hiệu Sao nhi đồng chăm ngoan.

- Những thành tích nổi bật, hành động ấn tượng đáng học tập của những cá nhân, tập thể.

**\* Bước 2: Công bố giải thưởng của các Sao**

- HS dẫn chương trình mời trưởng sao của các Sao đạt thành tích xuất sắc lên sân khấu nhận quà lưu niệm.

- HS dẫn chương trình mời các bạn đạt thành tích cùng giao lưu với HS toàn trường.

- Các Sao nhi đồng chăm ngoan kể ve những hành động tốt, trong đó có những hành động yêu thương của mình và trả lời câu hỏi của các bạn trong trường.

**3. Hoạt động 3: Trò chơi, hoặc múa hát tập thể.**

**\* Đánh giá**

- GV phụ trách nhận xét tinh thần thái độ, kỉ luật toàn trường khi tham gia hoạt động.

- Nhận xét tinh thần, kỉ luật của các Sao.

\* Hoạt động tiếp nối

- GV yêu cầu HS về nhà trao đổi với người thân các biện pháp giúp em rèn luyện tốt hơn, xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ.

**Tiết 2: Đạo đức**

**Bài 7: Quan tâm chăm sóc ông bà**

**I. Mục tiêu:**

\* Bài học góp phần hình thành, phát triển cho học sinh phẩm chất: nhân ái, trách nhiệm và năng lực điều chỉnh hành vi dựa trên các yêu cầu cần đạt sau:

- Nhận biết được biểu hiện và ý nghĩa của việc quan tâm, chăm sóc ông bà.

- Thể hiện sự quan tâm, chăm sóc ông bà bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.

- Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương đối với ông bà.

- Thực hiện được những việc đồng tình với thái độ thể hiện yêu thương đối với ông bà.

- Lễ phép, vâng lời ông bà ; hiếu thảo với ông bà.

**II. Chuẩn bị:**

- GV: SGK, SGV, Vở bài tập đạo đức 1.

**III. Các hoạt động dạy:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạy của Giáo viên.** | **Hoạt động học của học sinh.** |
| \* **Khởi độn**g:  Giáo viên cho cả lớp hát” Cháu yêu bà”  - Giáo viên đặt câu hỏi.  + Khi nào em thấy bà rất vui?  + Tuần vừa qua, em đã làm những việc gì đem lại niềm vui cho ông bà?  - Gv: Khen ngợi học sinh.  - Kết luận: Ông bà luôn cần sự quan tâm chăm sóc của con cháu. Bài hát này giúp em nhận biết biểu hiện của sự quan tâm, chăm sóc ông bà.  - Gv dẫn dắt, giới thiệu bài mới  **Hoạt động 1: Khám phá vấn đề.**  - GV treo 5 tranh ở mục Khám phá trong Sgk, chia HS thành 5 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm quan sát các tranh để trả lời câu hỏi.  + Bạn nhỏ dưới đây đã làm gì để thể hiện sự quan tâm, chăm sóc ông bà?  - GV trình chiếu kết quả trên bảng.  Tranh 1: Bạn hỏi thăm sức khỏe ông bà.  Tranh 2: Bạn chúc tết ông bà khỏe mạnh sống lâu.  Tranh 3: Bạn mời ông uống nước.  Tranh 4: Bạn khoe ông bà vở tập viết, được cô khen viết đẹp.  Tranh 5: Bạn nhỏ cùng bố về quê thăm ông bà.  - GV hỏi:  + Vì sao cần quan tâm chăm sóc ông bà?  + Em đã quan tâm, chăm sóc Ông Bà bằng những việc làm nào?  - GV khen ngợi những học sinh có những câu trả lời đúng, nêu được nhiều việc phù hợp, chỉnh sửa các câu trả lời chưa đúng.  Kết luận: Những việc làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc ông bà, hỏi thăm sức khỏe Ông Bà, chăm sóc ông bà khi ốm, chia sẻ niềm vui với ông bà, nói những lời yêu thương đối với ông bà.  **Hoạt động 2.Luyện tập:**  - GV chia HS thành các nhóm (4 HS).  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm quan sát kĩ các tranh 1,2,3,4,5 (SGK trang 23) trên bảng.  Tranh 1: Bạn gọi điện hỏi thăm sức khỏe ông bà.  Tranh 2: Bạn quan tâm, bóp vai cho ông.  Tranh 3: Bạn quan tâm, chải tóc cho bà.  Tranh 4: Bà ốm, hai chị em không thăm hỏi, lại cãi nhau cho bà mệt thêm.  Tranh 5: Bạn bê đĩa hoa quả lễ phép mời ông bà.  - GV quan sát, gợi ý các nhóm thảo luận.  - GV yêu cầu 3 nhóm lên trình bày.  - Các nhóm khác quan sát, nhận xét bổ sung.    + Việc nào nên làm?        + Việc nào không nên làm? Vì sao?  - GV nhận xét tuyên dương nhóm trả lời đúng, chốt ý. Nhận xét phần thảo luận của HS.  Kết luận: Thường xuyên hỏi thăm sức khỏe, bóp vai cho Ông, chải tóc cho Bà, lễ phép mời Ông Bà ăn hoa quả… Thể hiện sự quan tâm chăm sóc Ông Bà. Hành vi hai chị em cãi nhau ầm ĩ bên giường Bà ốm là biểu hiện sự thờ ơ chưa quan tâm tới Ông Bà.  **b. Chia sẻ cùng bạn**  - GV đặt câu hỏi: Em đã quan tâm, chăm sóc Ông Bà bằng những việc làm nào?  - Yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân (1 phút).  - Yêu cầu HS chia sẻ nhóm đôi (1 phút).  - Đại diện ba nhóm lên trình bày trước lớp.  - Yêu cầu các nhóm nhận xét.  - GV nhận xét và khen ngợi những bạn biết quan tâm, chăm sóc ông bà.  **Hoạt động 3. Vận dụng:**  **a. Đưa ra lời khuyên cho bạn.**  - GV giới thiệu tranh tình huống: Bạn trai trong tranh cần cầm quả bóng đi chơi khi ông bị đau chân và đang leo cầu thang.  - GV yêu cầu HS quan sát trên bảng (hoặc SGK).  - GV đặt câu hỏi: Em sẽ khuyên bạn điều gì?  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi (hai bạn 1 bàn) để đưa ra lời khuyên cho bạn.  - GV gọi đại diện nhóm trình bày.  - Gọi nhóm bạn nhận xét – GV nhận xét.  - Khen ngợi những HS có lời khuyên hay nhất.  - GV kết luận: Em nên hỏi han quan tâm dìu dắt ông lên cầu thang, không nên vô tâm bỏ đi chơi như vậy.  **b. Em thể hiện sự quan tâm chăm sóc ông bà bằng những việc làm vừa sức phù hợp với lứa tuổi.**  - GV đưa tình huống.  + Tình huống 1:  Bà bị ốm, Em làm gì để chăm sóc bà?  + Tình huống 2: Ăn cơm xong, Mẹ lấy trái cây lên, em làm gì để thể hiện sự quan tâm đối với Ông Bà?  - GV yêu cầu học sinh đóng vai xử lí tình huống.  Nhóm 1, 2: Tình huống 1.  Nhóm 3, 4: Tình huống 2.  - Đai diện 2 nhóm nên trình bày 2 tình huống.  - Các nhóm còn lại quan sát, nhận xét.  - GV nhận xét, kết luận: Em có thể làm đc nhiều việc thể hiện hiên sự quan tâm, chăm sóc Ông bà thường xuyên gọi điện thăm hỏi sức khỏe Ông Bà (nếu không sống cùng Ông Bà), mời Ông Bà ăn hoa quả, nước, chia sẻ niềm vui của mình đối với Ông Bà,…  **\* Tổng kết:**  - GV đưa câu thông điệp:  Quan tâm chăm sóc ông bà  Biết ơn, hiếu thảo - em là cháu ngoan.  - Gọi vài HS đọc  - Nhận xét tiết học. | - HS Hát.      - Hs trả lời: Khi cháu vâng lời bà.      - Hs lắng nghe.    - Hs lắng nghe.  - HS chia nhóm, quan sát và thảo luận trả lời câu hỏi.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luật của nhóm mình.  - Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn.                - HS suy nghĩ trả lời cá nhân.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.          - HS lắng nghe  - HS ngồi theo nhóm (4 HS).            - HS quan sát rồi thảo luận 2 phút.    - HS lắng nghe thảo luận nhóm các câu hỏi.  - HS gắn mặt cười (vào tranh nên làm).(tranh 1, 2, 3, 5)  - HS lên gắn mặt mếu vào tranh không nên làm (tranh 4).  - Các nhóm tiến hành theo hướng dẫn của GV  - HS 3 nhóm nêu ý kiến vì sao chọn việc nên làm ở tranh 1, 2, 3,5:  Tranh 1: Bạn gọi điện hỏi thăm sức khỏe ông bà.  Tranh 2: Bạn quan tâm, bóp vai cho ông.  Tranh 3: Bạn quan tâm, chải tóc cho bà.  Tranh 5: Bạn bê đĩa hoa quả lễ phép mời ông bà.  - Không nên chọn việc làm ở tranh 4.  Tranh 4: Bà ốm, hai chị em không thăm hỏi, lại cãi nhau cho bà mệt thêm.  - Nhận xét.    - HS lắng nghe, ghi nhớ  - HS suy nghĩ cá nhân.    - HS chia sẻ nhóm đôi qua việc làm thực tế của mình.  - HS trình bày.    - Nhận xét.  - HS lắng nghe.      - HS quan sát.    - HS lắng nghe.    - HS thảo luận nhóm đôi.    - HS Trình bày.  - HS nhận xét  - Hs sinh quan sát, lắng nghe.          - HS thảo luận đóng vai xử lí tình huống được giao.    - HS trình bày.  - Quan sát, nhận xét.    - Học sinh lắng nghe.              - 2-3 HS đọc câu thông điệp  - Cả lớp đọc đồng thanh.  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**BUỔI CHIỀU**

**Tiết 1+2: Tiếng Việt**

**An ăn ân**

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực**

- Đọc: Nhận biết và đọc đúng vấn an, ăn, ân; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vấn an, ăn, ân; hiểu và trả lời được các cầu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Viết đúng vấn an, ân, ăn; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vấn an, ăn, ân.

- Nghe và nói: Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần an, ăn, ân có trong bài học. Phát triển kỹ năng nói lời xin lỗi (trong tình huống cụ thể ở trường học). Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật (các bạn học sinh trong cùng lớp) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (tình huống các bạn giẫm phải chân nhau khi xếp hàng vào lớp, cần nói lời xin lỗi).

**2. Phẩm chất**- Yêu thích môn học

**II. Chuẩn bị:**

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, và cách viết các vần an, ăn, ăn.

- Hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học, như: bạn thân, khăn rần, tha thẩn.

Bạn thân: người luôn gần gũi với mình, mong muốn điều tốt đẹp với mình, giúp đỡ mình khi khó khăn. khăn rần: Loại khăn quen thuộc của người dân Nam Bộ, thường có hai màu đen và trắng hoặc nàu và trắng. Tha thẩn: thong thả và lặng lẽ đi từ chỗ này sang chỗ khác, không chú ý điều gì.

- Chú ý lỗi chính tả (lẫn lộn an/ ang, ăn/ ăng, ân/ âng) do phát âm phương ngữ.

- Tình bạn giữa hươu cao cổ và ngựa vằn.

- Tập tính của gà con: Gà con mới nở được gà mẹ dẫn đi tìm thức ăn và nước uống.

Chúng luôn líu ríu bên chản mẹ. Gà mẹ ra sức bảo vệ con, mỗi khi có nguy hiểm (có sự xuất hiện của loài ăn thịt, như: quạ, chim cắt, diều hâu...), gà mẹ thường bảo hiệu cho đàn con biết. Gà con sẽ nấp vào cánh mẹ.

**III. Các hoạt động dạy học:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - GV thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh (Gợi ý: có 2 con vật là ngựa vẫn và hươu cao cổ. Các con vật đang tình cảm, quấn quýt bên nhau.).  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng cầu nhận biết và yêu câu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS đọc theo GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Ngựa vẫn/ và hươu cao cổ là đôi bạn thân.  - GV giới thiệu các vấn mới an, ăn, ân. Viết tên bài lên bảng.  3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ  a. Đọc vần an, ăn, ân  - So sánh các vần: + GV giới thiệu vần an, ăn, ân.  + GV yêu cầu HS so sánh vần ăn, ân với an để tìm ra điểm giống và khác nhau.  (Gợi ý: Giống nhau là đều có n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: a, â,ă).  + GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  - Đánh vần các vần  + GV đánh vần mẫu các vẫn an, ăn, ân. GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai.  + GV yêu cầu HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vấn cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - Đọc trơn các vần  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  - Ghép chữ cái tạo vần  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần an.  + GV yêu cầu HS tháo chữ a, ghép ă vào để tạo thành ăn.  + GV yêu cầu HS tháo chữ ă, ghép â vào để tạo thành ân.  - Lớp đọc đồng thanh an, ăn , ân một số lần.  b. Đọc tiếng  - Đọc tiếng mẫu  + GV giới thiệu mô hình tiếng bạn. (GV: Từ các vấn đã học, làm thế nào để có tiếng? Hãy lấy chữ ghi âm b ghép trước an, thêm dấu nặng dưới a xem ta được tiếng nào?  + GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng bạn.  + GV yêu cầu một số (4 5) HS đánh vần tiếng bạn (bờ an - ban nặng - bạn). Lớp đánh vấn đồng thanh tiếng bạn.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng bạn. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng bạn.  - Đọc tiếng trong SHS  + Đánh vần tiếng: GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nói tiếp nhau (số HS dánh ván tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. (HS nào lúng tùng không đọc trơn ngay được thì GV cho HS đó đánh vẫn lại tiếng). Mỗi HS đọc trơn một tiếng, nối tiếp nhau, hai lượt.  + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  - Ghép chữ cái tạo tiếng  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần an, ăn hoặc ân. (GV đưa mô hình tiếng bạn, vừa nói vừa chỉ mô hình: Muốn có tiếng "bạn" chúng ta thêm chữ ghi âm b vào trước vấn an và dấu nặng dưới a. Hãy vận dụng cách làm này để tạo các tiếng có chứa vần ăn hoặc vần ân vừa học. GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vấn, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gi?)".  + GV yêu cầu HS đọc tiếng vừa ghép được. +GV yêu cầu HS phân tích tiếng  + GV yêu cầu HS nêu lại cách ghép,  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép dược.  c. Đọc từ ngữ  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: bạn thân, khăn rằn, quả mận. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn quả mặn  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ quả mận xuất hiện dưới tranh.  - GV nêu yêu HS nhận biết tiếng chứa vần ân trong quả mận  - GV nêu yêu HS phân tích và đánh vần tiếng mận, đọc trơn từ ngữ quả mận.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với bạn thân, khăn rằn  - GV nêu yêu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  d. Đọc lại các tiếng  - GV có thể cho nhóm đôi đọc cho nhau nghe, gọi một số HS đọc, cuối cùng cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vấn an, ăn, ân,  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vấn an, ăn, ân.  - HS viết vào bảng con: an, ăn, ân và bạn, khăn, mận (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vẫn ăn và ân vì trong các vấn này đã có an (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc trong a, , â với nét móc trong n và giữ khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng).  - HS viết vào bảng con từng vần và tiếng chứa vần đó: an – bạn, ăn - khăn, ân thân.  - GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - Sau khi HS viết xong mỗi vần và tiếng chứa vần đó, GV đưa bảng con của một số HS để các bạn khác nhận xét chữ viết, GV sửa (nếu cán). HS xoá bảng để viết vần và tiếng tiếp theo.  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - Hs chơi  - HS trả lời  - Hs lắng nghe  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs lắng nghe  - HS trả lời  - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe, quan sát  - HS đánh vần tiếng mẫu  - Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - HS đọc trơn tiếng mẫu.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - HS tìm  - HS ghép  - HS ghép  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS thực hiện  - HS đánh vần tiếng bạn (bờ an - ban nặng - bạn). Lớp đánh vấn đồng thanh tiếng bạn.  - HS đọc trơn tiếng bạn. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng bạn.  - HS đánh vần, lớp đánh vần  - HS đọc  - HS đọc  - HS tự tạo  - HS đọc  - HS phân tích  - HS ghép lại  - Lớp đọc trơn đồng thanh  - HS lắng nghe, quan sát  - HS nói  - HS nhận biết  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS đọc  - HS quan sát  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  - HS đọc  - HS quan sát  - HS viết  - HS lắng nghe |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV đưa vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao của các con chữ.  - GV hướng dẫn HS viết đúng điểm đặt bút và đúng số lần theo yêu cầu, Lưu ý khoảng  cách giữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cấm bút.  - GV yêu cầu HS viết vào vở các vần an, ăn, ân, các từ ngữ bạn thân, khăn ràn.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách  - GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.  **6. Đọc**  - GV đọc mẫu cả đoạn  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần an, ăn, ân.  - GV yêu cầu một số (4 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vấn tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vấn an, ăn, ân trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  Đàn gà tha thần ở đâu (gần chân mẹ)?  Vì sao đàn gà không còn sợ lũ quạ dữ (đã có mẹ che chắn, bảo vệ)...  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS, GV đang làm gì?  Có chuyện gì đã xảy ra?  Theo em, bạn cần xin lỗi Hà như thế nào?  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS trả lời những câu hỏi trên, (Gợi ý: Các bạn đang xếp hàng vào lớp. Một bạn sơ ý giảm vào chân Hà. Bạn ấy cấn xin lỗi Hà: Xin lỗi bạn! Mình sơ ý đã giảm vào chân bạn!, Xin lỗi, minh khóng cố ý đâu!, Bạn cho mình xin lỗi nhé!.)  - GV yêu cầu HS chia nhóm, đóng vai trong tình huống: Khi xếp hàng vào lớp, bạn sơ ý giảm vào chân Hà. Hà nói: Sao cậu giảm vào chân mình? Bạn nói lời xin lỗi Hà.  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  - GV có thể nhắc nhở HS nội quy khi xếp hàng: đứng thẳng hàng, không đủa nghịch, không giảm vào chân nhau,..  **8. Củng cố**  - HS tham gia trò chơi để tìm một số từ ngữ chứa vần an, ăn, ăn và đặt câu với các từ ngữ tìm được. | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm.  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS thực hiện  - HS đóng vai, nhận xét  - Hs lắng nghe  - HS chơi |

**Tiết 3: Ôn Tiếng Việt**

**BÀI 31: an ăn ân**

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực**

- Đọc đúng vần an, ăn, ân; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần an, ăn, ân

- Biết khoanh tròn tiếng có vần an, ân, ăn; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần an, ăn, ân.

- Phát triển kĩ năng quan sát tranh, nêu nội dung tranh để nối tranh đúng

**2. Phẩm chất.**

- Nhận biết thêm các sự vật xung quanh cuộc sống, yêu thiên nhiên.

**II. Chuẩn bị:**

- GV: Tranh, ảnh/ 4,5; bảng phụ, phiếu BT.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV cho HS nghe bài hát : Đàn gà con  - GV cho HS chơi trò chơi : “Ai nhanh ai đúng” nghe và nêu những tiếng có vần an, ăn, ân.  - GV nhận xét  **2. Luyện tập**  **Bài 1**: Khoanh tròn theo mẫu  - GV nêu yêu cầu của bài  - GV viết lên bảng các từ có vần an, ăn, ân theo vở BT  - GV hỏi: Trong dòng thứ nhất tiếng nào chứa vần an?  + Trong dòng thứ hai tiếng nào chứa vần ăn?  +Trong dòng thứ ba tiếng nào chứa vần ân?  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi  - GV cho các nhóm chia sẻ trước lớp  - GV cho HS làm bài vào vở  - GV cho HS quan sát, GV làm mẫu  - GV cho HS khoanh vào vở BT  **Bài 2:** Nối?  - GV nêu yêu cầu của bài  - GV cho HS quan sát tranh? Nêu nội dung tranh:  + Bức tranh thứ nhất vẽ gì?  + GV cho HS nêu câu trả lời, GV giải thích nghĩa từ quả nhãn cho học sinh.  - GV cho HS tìm từ ghi chữ quả nhãn, GV hướng dẫn HS nối.  - Các tranh còn lại làm tương tự  **Bài 3:** Điền an, ăn hoặc ân  - GV nêu yêu cầu của bài  - GV cho học sinh quan sát tranh? Nêu nội dung tranh?  + Tranh thứ nhất vẽ gì?  + GV nhận xét chốt câu trả lời  + Có âm s muốn có tiếng sân ta làm thế nào?  + Tranh thứ hai vẽ gì?  + Có âm ch muốn có tiếng chăn ta làm thế nào?  +Tranh thứ ba vẽ gì?  +Có âm gi muốn có tiếng gián ta làm thế nào?  - GV giải thích nghĩa từ cho HS  - GV hướng dẫn HS làm bài vào vở BT  **4. Củng cố, dặn dò:**  - Cho HS đọc lại các từ trong vở BT  - Nhắc nhở, dặn dò HS hoàn thành các bài tập trong VBT.  - Nhận xét tiết học, tuyên dương. | - HS lắng nghe  - Hs trả lời  - HS lắng nghe  - HS trả lời  - HS khoanh ở vở  - HS lắng nghe  - Quả nhãn  - HS làm vở  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS quan sát  - HS trả lời: vần ân  - HS trả lời: vần ăn  - HS trả lời: vần an  - HS làm vở BT  - HS thực hiện |

**Thứ ba ngày 27 tháng 10 năm 2020**

**Tiết 3+4: Tiếng Việt**

**On ôn ơn**

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực**

- Đọc: Nhận biết và đọc đúng vấn on, ôn ,ơn; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vấn on, ôn, ơn; hiểu và trả lời được các cầu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Viết đúng vấn on, ôn ,ơn; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vấn on, ôn, ơn.

- Nghe và nói: Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần on, ôn ,ơn có trong bài học. Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Rừng xanh vui nhộn được gợi ý trong tranh; mở rộng vốn từ ngữ chỉ con vật, sự vật và tính chất, hoạt động của chúng (trong đó có một số từ ngữ chửa vần on, ôn, ơn). Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết sự vật (khung cảnh rừng xanh, một số con vật sống trong rừng và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (cảnh đẹp, vui nhộn của khu rừng vào buổi sáng).

**2. Phẩm chất**

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên qua thú trong rừng tranh sinh động về rừng, về muông

**II. Chuẩn bị:**

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, và cách viết các vần on, ôn ,ơn.

- Hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học, như: véo von, lớn khôn, vẻ, vô tư, Véo von: (âm thanh cao, trong trẻo, lên xuống nhịp nhàng, nghe êm tai. Lớn không: trưởng thành về suy nghĩ. Vè: Bài văn kể câu chuyện được lưu truyền trong dân gian, thường là kể chuyện người thật việc thật dể ca ngợi hay phê phản, châm biếm. Vô tư: không lo nghĩ gì. Trư: Trư Bát Giới (một nhân vật trong truyện Tây du ký, có hình hài to béo,..).

- Nón lá: một loại nón đội đầu truyền thống của người Việt Nam, thưởng làm bằng lá co, có hình chóp nhọn, dùng để che nắng, che mưa,.. Ngày nay, nón lá được xem là món quà đặc biệt cho du khách nước ngoài khi đến tham quan Việt Nam.

- Chim sơn ca: loài chim có kích thước bẻ bằng chim sẻ, hột rất hay, thường sống trên những cánh đồng lúa, ăn sâu bọ, có ích cho nhà nông.

**III. Các hoạt động dạy học**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  - GV cho HS viết bảng an, ăn,ân  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - GV thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh (Gợi ý: Một nhóm sơn ca đang hát trên cành cây. Sơn ca hát: Mẹ đi, con đã lớn khôn, Nhóm khác đang tập viết,...)  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng cần nhận biết và yêu câu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS đọc theo GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Sơn ca véo von: Mẹ ơi, con đã lớn khôn.  - GV giới thiệu các vấn mới on, ôn, ơn. Viết tên bài lên bảng.  **3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ**  a. Đọc vần  - So sánh các vần: + GV giới thiệu vần on, ôn, ơn  + GV yêu cầu HS so sánh vần ôn, ơn với on để tìm ra điểm giống và khác nhau.  (Gợi ý: Giống nhau là đều có n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: o, ơ,ô).  + GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  - Đánh vần các vần  + GV đánh vần mẫu các vẫn on, ôn, ơn. GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai.  + GV yêu cầu HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vấn cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - Đọc trơn các vần  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  - Ghép chữ cái tạo vần  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần on.  + GV yêu cầu HS tháo chữ o, ghép ô vào để tạo thành ôn.  + GV yêu cầu HS tháo chữ ơ, ghép ô vào để tạo thành ơn.  - Lớp đọc đồng thanh on, ôn, ơn một số lần.  b. Đọc tiếng  - Đọc tiếng mẫu  + GV giới thiệu mô hình tiếng con. (GV: Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng? Hãy lấy chữ ghi âm c ghép trước on ta được tiếng nào?  + GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng con.  + GV yêu cầu một số (4 5) HS đánh vần tiếng con. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng con.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng con. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng con.  - Đọc tiếng trong SHS  + Đánh vần tiếng: GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nói tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. (HS nào lúng tùng không đọc trơn ngay được thì GV cho HS đó đánh vẫn lại tiếng). Mỗi HS đọc trơn một tiếng, nối tiếp nhau, hai lượt.  + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  - Ghép chữ cái tạo tiếng  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần on, ôn, ơn  . (GV đưa mô hình tiếng con, vừa nói vừa chỉ mô hình: Muốn có tiếng "con" chúng ta thêm chữ ghi âm c vào trước vần on. Hãy vận dụng cách làm này để tạo các tiếng có chứa vần ôn hoặc vần ơn vừa học! GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)".  +GV yêu cầu HS đọc tiếng vừa ghép được. +GV yêu cầu HS phân tích tiếng  + GV yêu cầu HS nêu lại cách ghép,  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép dược.  c. Đọc từ ngữ  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: nón lá, con chồn, sơn ca. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn quả mặn  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ nón lá xuất hiện dưới tranh.  - GV nêu yêu HS nhận biết tiếng chứa vần on trong nón lá  - GV nêu yêu HS phân tích và đánh vần nón lá, đọc trơn từ nón lá.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với con chồn, sơn ca  - GV nêu yêu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  d. Đọc lại các tiếng  - GV có thể cho nhóm đôi đọc cho nhau nghe, gọi một số HS đọc, cuối cùng cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vấn on, ôn, ơn  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vấn on, ôn, ơn.  - HS viết vào bảng con: on, ôn, ơn ,con, chồn, sơn (chữ cỡ vừa). (GV lưu ý HS liên kết giữa nét nối trong o,ô,ơ với nét móc trong n và giữ khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng).  - HS viết vào bảng con từng vần và tiếng chứa vần đó  - GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - Sau khi HS viết xong mỗi vần và tiếng chứa vần đó, GV đưa bảng con của một số HS để các bạn khác nhận xét chữ viết, GV sửa (nếu cán). HS xoá bảng để viết vần và tiếng tiếp theo.  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - Hs chơi  - HS viết  - HS trả lời  - Hs lắng nghe  - HS đọc  - HS đọc  - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs lắng nghe  - HS trả lời  - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe, quan sát  - HS đánh vần tiếng mẫu  - Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - HS đọc trơn tiếng mẫu.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  HS tìm  HS ghép  - HS ghép  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS thực hiện  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng con.  - HS đọc trơn tiếng con. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng con.  - HS đánh vần, lớp đánh vần  - HS đọc  - HS đọc  - HS tự tạo  - HS đọc  - HS phân tích  - HS ghép lại  - Lớp đọc trơn đồng thanh  - HS lắng nghe, quan sát  - HS nói  - HS nhận biết  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS đọc  - HS đọc  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  - HS viết  - HS viết  - HS quan sát  - HS nhận xét |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV đưa vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao của các con chữ.  - GV hướng dẫn HS viết đúng điểm đặt bút và đúng số lần theo yêu cầu, Lưu ý khoảng  cách giữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cấm bút.  - GV yêu cầu HS viết vào vở các vần on, ôn, ơn, con, chồn, sơn  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách  - GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.  **6. Đọc**  - GV đọc mẫu cả đoạn  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần on, ôn, ơn.  - GV yêu cầu một số (4 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vấn tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần on, ôn, ơn trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  Có mấy chú lợn con được kể trong bài vè (bốn chủ)?  Những từ ngữ nào nói lên đặc điểm của các chủ lợn con (vô tư, no tròn)?  Theo em, các chủ lợn con có đáng yêu không?  Vì sao các chủ rất đáng yêu vì vui vẻ, béo tròn...).  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS, Bức tranh vẽ cảnh ở đâu? Cảnh buổi sáng hay buổi chiều? Dựa vào đâu mà em biết? Có những con vật nào trong khu rừng? Các con vật đang làm gì? Mặt trời có hình gì?  Khung cảnh khu rừng vào buổi sáng thư thế nào?  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS trả lời những câu hỏi trên.( Gợi ý: Bức tranh vẽ cảnh ở rừng, vào buổi sáng. Vì có hình ảnh mặt trời chiếu rọi. Có những con vật: chồn, gấu, lợn, sóc, thỏ, khi. Các con vật đứng thành vòng tròn, cầm tay nhau nhảy múa. Khi một tay đu cành cây, một tay bắt bướm. Chim và bướm đang bay lượn. Mặt trời có hinh tròn. Khung cảnh khu rừng vào buổi sáng thật vui nhộn).  - GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ động vật, giữ gìn tài nguyên môi trường của đất nước.  **8. Củng cố**  - HS tham gia trò chơi để tìm một số từ ngữ chứa vần on, ôn, ơn và đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm.  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - Hs lắng nghe  - HS chơi  - HS làm |

**Thứ tư ngày 28 tháng 10 năm 2020**

**Tiết 1+2: Tiếng Việt**

**En ên in un**

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực**

- Đọc: Nhận biết và đọc đúng vấn en, ên, in , un; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần en, ên, in, un; hiểu và trả lời được các cầu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Viết đúng vần en, ên, in , un; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần en, ên, in, un.

- Nghe và nói: Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần en, ên, in , un có trong bài học.

- Phát triển kỹ năng nói lời xin lỗi (trong những tình huống cụ thể ở trường học). Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật, sự việc (bác bảo vệ, học sinh, đá bóng..) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ về các tỉnh huống cắn nói lời xin lỗi (sơ ý đá quả bóng vào lưng bác bảo vệ),

**2. Phẩm chất**

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên qua thú trong rừng tranh sinh động về rừng, về muông

**II. Chuẩn bị:**

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, và cách viết các vần en,ên, un, in.

- Hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học, như: giả nua, ngắn ngủn, cha,. (giả nua: quá già và yếu; ngắn ngủn: ngắn quá, trông như bị cụt đi; cha: cách gọi khác của bő, ba,.)

- Phân biệt rùa và ba ba:Rùa là con vật có thể sống ở các vùng nước ngọt hoặc mặn; mai cứng, có chia cổ có thể vươn dài ra hoặc thụt sâu vào trong mai; di chuyến chậm chạp. Ba ba là con vật thường sống ở các vùng nước ngọt (một số loài có thể thích nghi với mỏi trưởng nước lợ), có hình dáng giống rủa nhưng mai mém, không chia ô, mũi dài.

**III. Các hoạt động dạy học:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  - GV cho HS viết bảng on, ôn, ơn  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - GV thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh (Gợi ý: Củn con chơi ở bãi cỏ, chăm chú nhìn dế mèn,...)  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng cần nhận biết và yêu câu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS đọc theo GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Cún con/ nhìn thấy/ dế mèn trên tàu lá  - GV giới thiệu các vần mới en,ên, un, in. Viết tên bài lên bảng.  **3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ**  a. Đọc vần  - So sánh các vần: + GV giới thiệu vần en,ên, un, in  + GV yêu cầu HS so sánh vần en, ên, un, in để tìm ra điểm giống và khác nhau.  (Gợi ý: Giống nhau là đều có n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: e, ê,u,i).  + GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  - Đánh vần các vần  + GV đánh vần mẫu các vần en,ên, un, in. GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai.  + GV yêu cầu HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 4 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 4 vần một lần.  - Đọc trơn các vần  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  - Ghép chữ cái tạo vần  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần en.  + GV yêu cầu HS tháo chữ e, ghép ê vào để tạo thành ên.  + GV yêu cầu HS tháo chữ ê, ghép u vào để tạo thành un.  + GV yêu cầu HS tháo chữ u, ghép i vào để tạo thành in.  - Lớp đọc đồng thanh en,ên,un,in một số lần.  b. Đọc tiếng  - Đọc tiếng mẫu  + GV giới thiệu mô hình tiếng mèn. (GV: Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng? Hãy lấy chữ ghi âm m ghép trước en ta được tiếng nào?  + GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng mèn.  + GV yêu cầu một số (4 5) HS đánh vần tiếng mèn. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng con.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mèn. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng con.  - Đọc tiếng trong SHS  + Đánh vần tiếng: GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nói tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. (HS nào lúng tùng không đọc trơn ngay được thì GV cho HS đó đánh vẫn lại tiếng). Mỗi HS đọc trơn một tiếng, nối tiếp nhau, hai lượt.  + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  - Ghép chữ cái tạo tiếng  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần en, ên, un, in. (GV đưa mô hình tiếng mèn, vừa nói vừa chỉ mô hình: Muốn có tiếng "mèn" chúng ta thêm chữ ghi âm m vào trước vần en. Hãy vận dụng cách làm này để tạo các tiếng có chứa vần ên, vần in hoặc vần un vừa học! GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)".  +GV yêu cầu HS đọc tiếng vừa ghép được. +GV yêu cầu HS phân tích tiếng  +GV yêu cầu HS nêu lại cách ghép,  + +GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  c. Đọc từ ngữ  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: ngọn nến, đèn pin, cún con. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ngọn nến  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ ngọn nến xuất hiện dưới tranh.  - GV nêu yêu HS nhận biết tiếng chứa vần ên trong ngọn nến  - GV nêu yêu HS phân tích và đánh vần n ngọn nến, đọc trơn từ ngọn nến.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với đèn pin, cún con  - GV nêu yêu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  d. Đọc lại các tiếng  - GV có thể cho nhóm đôi đọc cho nhau nghe, gọi một số HS đọc, cuối cùng cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vấn en,ên,un,in  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vấn en,ên,un,in  - HS viết vào bảng con: en,ên,un,in đèn, nến, cún, pin(chữ cỡ vừa). (GV lưu ý HS liên kết giữa nét nối trong o,ô,ơ với nét móc trong n và giữ khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng).  - HS viết vào bảng con từng vần và tiếng chứa vần đó  - GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - Sau khi HS viết xong mỗi vần và tiếng chứa vần đó, GV đưa bảng con của một số HS để các bạn khác nhận xét chữ viết, GV sửa (nếu cán). HS xoá bảng để viết vần và tiếng tiếp theo.  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - Hs chơi  - HS viết  - HS trả lời  - Hs lắng nghe  - HS đọc  - HS đọc  - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs lắng nghe  - HS trả lời  - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe, quan sát  - HS đánh vần tiếng mẫu  - Lớp đánh vần đồng thanh 4 vần một lần.  - HS đọc trơn tiếng mẫu.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - HS tìm  - HS ghép  - HS ghép  - HS ghép  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS thực hiện  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng con.  - HS đọc trơn tiếng con. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng con.  - HS đánh vần, lớp đánh vần  - HS đọc  - HS đọc  - HS tự tạo  - HS đọc  - HS phân tích  - HS ghép lại  - Lớp đọc trơn đồng thanh  - HS lắng nghe, quan sát  - HS nói  - HS nhận biết  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS đọc  - HS đọc  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  - HS viết  - HS viết  - HS quan sát  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV đưa vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao của các con chữ.  - GV hướng dẫn HS viết đúng điểm đặt bút và đúng số lần theo yêu cầu, Lưu ý khoảng  cách giữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cấm bút.  - GV yêu cầu HS viết vào vở các vần en, ên, un, in đèn, nến, cún, pin  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách  - GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.  6. Đọc  - GV đọc mẫu cả đoạn  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần en,ên,un,in  - GV yêu cầu một số (4 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vấn tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần on, ôn, ơn trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  Trong một câu chuyện, con vật nào chậm chạp, nhưng khi chay thi với thỏ thì đã thắng? Rùa có dáng vẻ thế nào? Con vật nào, nhìn qua, rất giống rùa?  Vì sao tên gọi của con vật trong câu đố có nghĩa là “cha”?  Vì sao nói tên con vật này có chứa chữ số? (Gợi ý: Trong một câu chuyện, rùa chậm chạp, nhưng khi chạy thi với thỏ thi đã thắng. Rùa có dáng vẻ già nua, ngắn ngủn, Con ba ba, nhìn qua, rất giống rùa. Tên của ba ba cũng có nghĩa là “cha" vi tiếng “cha” đồng nghĩa với “ba”, “bố”. Tên con vật có chứa chữ số, vi “ba ba” cỏ số 3 hay là số 33,.)  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS, Việc gì đã xảy ra giữa Nam và bác bảo vệ? Nam có lỗi không?  Nếu là Nam, em xin lỗi bác bảo vệ như thế nào?  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS trả lời những câu hỏi trên (Gợi ý: Nam và bạn đá bóng gắn cổng trường, quả bóng rơi vào lưng bác bảo vệ. Nam là người có lỗi. Nam phải xin lỗi bác. Có thể xin lỗi như sau: Cháu xin lỗi bác! Lần sau cháu không vô ý như thế nữa!).  - GV chia nhóm, đóng vai tình huống diễn ra giữa Nam và bác bảo vệ: Nam đá bóng vào lưng bác bảo vệ. Bắc bảo vệ nhặt quả bóng và nói: Ổ! Một quả bóng! Nam nói lời xin lỗi.  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - HS tham gia trò chơi để tìm một số từ ngữ chứa vần en,ên,un,in và đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm.  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS chia nhóm  - HS chơi  - HS lắng nghe |

**Tiết 3: Âm nhạc**

**Ôn tập bài hát: Tổ quốc ta**

**Vận dụng sáng tạo: Cao – Thấp**

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực:**

- Biết hát và thể hiện được tính chất khoan thai, ngợi ca của giai điệu khi hát.

- Biết hát kết hợp vận động theo nhịp điệu bằng nhiều hình thức khác nhau như đơn ca, song ca, tốp ca, ...

- Biết phân biệt âm thanh cao – thấp và biết thể hiện vận động theo ý thích khi nghe nhạc.

**2. Phẩm chất:**

- Biết quan sát, liên hệ ngoài cuộc sống các âm thanh có yếu tố cao – thấp; tích cực chia sẻ những nội dung đã học với bạn bè và người thân.

**II. Chuẩn bị:**

- Loa Blutooth – nhạc hát, nhạc đệm

**III. Các hoạt động dạy học:**

**1.Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Đan xen trong tiết học

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập bài hát Tổ quốc ta**  \* Khởi động:  - Trò chơi:  “Nghe thấu đoán tài”  - GV cho nghe giai điệu một câu nhạc trong bài hát Tổ quốc ta.  ? Giai điệu vừa nghe nằm trong bài hát nào? Em hãy thể hiện lại câu nhạc đó?  - Yêu cầu HS nhận xét.  - GV nhận xét – đánh giá, tuyên dương.  \* Luyện tập và thể hiện.  - GV làm mẫu và hướng dẫn HS một số kỹ năng khi trình diễn bài hát Tổ quốc ta.  + Hát đúng cao độ.  + Tư thế.  + Mắt, ...  - GV cho HS trình diễn bài hát thực hiện bằng nhiều hình thức cá nhân, nhóm, tổ, ...  - GV yêu cầu các nhóm thoả thuận xây dựng động tác minh hoạ cho bài hát Tổ Quốc ta.  + GV khuyến khích HS tự đưa ra ý tưởng minh họa.  - Yêu cầu HS nhận xét  - GV nhận xét và đánh giá.  - GV yêu cầu HS hát và nhún theo nhịp điệu bài hát Tổ quốc ta bằng nhiều hình thức Đơn ca, song ca, tốp ca, ...  - GV chia 2 nhóm và hướng dẫn HS hát kết hợp gõ đệm.  + Nhóm 1: Hát  + Nhóm 2: Gõ đệm  - Khuyến khích HS nhận xét sau mỗi phần trình bày.  - GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương.  **Hoạt động 2: Vận dụng sáng tạo Cao – thấp**  \* Nghe và phân biệt âm thanh cao – thấp.  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và giới thiệu hai loại nhạc cụ Piccolo và Tuba.  - Cho HS lắng nghe âm thanh của từng loại nhạc cụ một vài lần và đặt câu hỏi?  ? Đây là âm thanh của loại nhạc cụ nào?  ? Cảm nhận âm thanh của nhạc cụ nào cao hơn? Nhạc cụ nào thấp hơn?  - Yêu cầu HS nhận xét câu trả lời của bạn.  - GV nhận xét và kết luận.  - GV làm mẫu và hướng dẫn cho HS thực hiện vận động cao thấp theo âm thanh của hai nhạc cụ.  + Piccolo – cao: Tay đưa lên đầu.  + Tuba – thấp: Tay đưa xuống bàn.  - GV cho HS làm bằng nhiều hình thức cá nhân/ nhóm/ tổ/ cả lớp.  - GV nhận xét và tuyên dương.  \* Nghe nhạc và vận động theo ý thích.  - GV cho học sinh nghe qua giai điệu.  - GV gợi mở để học sinh cảm nhận âm thanh cao – thấp trong giai điệu.  - Hướng dẫn và gợi mở một số động tác vận động theo giai điệu và cho HS thực hiện.  + Âm thanh cao: Nghiên đầu sang phải/ Để tay lên đầu/ Vỗ tay trên cao/ ...  + Âm thanh thấp: Nghiên đầu sang trái./ Để tay xuống đầu gối/ Vỗ tay xuống dưới/ ...  - GV khuyến khích HS tự thể hiện ý tưởng về động tác minh họa cao – thấp.  - GV yêu cầu HS nhận xét.  - GV nhận xét.  - GV mở học liệu mp4 cho HS tham khảo thêm 1 số động tác minh họa và yêu cầu HS thực hiện theo.  - GV nhận xét – tuyên dương.  \* Củng cố  - GV yêu cầu HS nối từ với tranh theo hình ở bài tập 1 trang 8 vở bài tập.  - Yêu cầu HS nối nhạc cụ có âm thanh cao với đám mây và nhạc cụ có âm thanh thấp với bông hoa theo bài tập 6 trang 10 vở bài tập.  \* GV khen ngợi và khuyến khích HS về nhà chia sẻ nội dung bài hát/ bài đọc nhạc và cùng hát với người thân. | - HS nghe giai điệu và đoán tên.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và ghi nhớ.  - HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.  - HS thực hiện yêu cầu.  - HS thể hiện ý tưởng  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện theo yêu cầu.  - HS thực hiện.  - HS nhận xét.  - HS quan sát  - HS lắng nghe.  - HS trả lời  - HS lắng nghe và cảm nhận.  - HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu.  - HS tự thể hiện ý tưởng.  - HS lắng nghe.  - HS xem và thực hiện theo.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe và ghi nhớ.  - Quan sát và thực hành theo sự gợi mở của giáo viên  - HS thể hiện theo yêu cầu.  - HS lắng nghe. |

**Tiết 4: Mỹ thuật**

**Nét vẽ của em ( tiết 3) Đã soạn ở tuần 6**

**BUỔI CHIỀU**

**Tiết 1: Ôn Tiếng Việt**

**Bài 32 : on ôn ơn**

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực**

- Đọc đúng vần on, ôn, ơn; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần on, ôn, ơn

- Biết nối tranh tương ứng với các từ có vần on, ôn, ơn ,điền đúng các tiếng, từ ngữ có khuyết thiếu các vần on, ôn, ơn.

- Phát triển kĩ năng quan sát tranh, nêu nội dung tranh để nối tranh đúng

**2. Phẩm chất.**

- Nhận biết thêm các sự vật xung quanh cuộc sống, yêu thiên nhiên.

**II. Chuẩn bị:**

- GV: Tranh, ảnh/ 4,5; bảng phụ, phiếu BT.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV cho HS nghe bài hát: Nụ hôn của mẹ  - GV cho HS chơi trò chơi: “Ai nhanh ai đúng” nghe và nêu những tiếng có vần an, ăn, ân.  - GV nhận xét  **2. Luyện tập**  **Bài 1**: Nối?  - GV nêu yêu cầu của bài  - GV cho HS quan sát tranh? Nêu nội dung tranh:  + Bức tranh thứ nhất vẽ gì?  +GV cho HS nêu câu trả lời, GV giải thích nghĩa từ lợn con cho học sinh.  - GV cho HS tìm từ ghi chữ lợn con, GV hướng dẫn HS nối.  \* Các tranh còn lại làm tương tự  **Bài 3**: Điền on, ôn hoặc ơn  - GV nêu yêu cầu của bài  - GV cho học sinh quan sát tranh? Nêu nội dung tranh?  +Tranh vẽ gì?  + GV nêu mối liên hệ giữa các tranh.  + GV nhận xét chốt câu trả lời  + Có âm m muốn có tiếng món ta làm thế nào?  + Có âm kh muốn có tiếng khôn ta làm thế nào?  +Có âm l muốn có tiếng lớn ta làm thế nào?  - GV giải thích nghĩa từ cho HS  - GV đọc câu thơ  - GV cho HS đọc đồng thanh theo dãy, lớp.  - GV hướng dẫn HS làm bài vào vở BT  **Bài 3**: Điền *cơn, bốn, hon, khôn, chồn* hoặc *nón*  - GV nêu yêu cầu của bài  - GV viết 6 từ khuyết thiếu lên bảng.  - GV hướng dẫn học sinh ghép các tiếng có sẵn với các tiếng bài tập cho sao cho đúng nhất.  - Số….. -….mưa - chú bé tí h….  -……lá - con ….. -…………lớn  - GV giải nghĩa từ  - Gv hướng dẫn học sinh làm vở  **4. Củng cố, dặn dò:**  - Cho HS đọc lại các từ trong vở BT  - Nhắc nhở, dặn dò HS hoàn thành các bài tập trong VBT. | - HS lắng nghe  - Hs trả lời  - HS lắng nghe  - HS quan sát tranh  - HS trả lời: con lợn (con heo)  - HS làm vở  - HS quan sát tranh  - HS trả lời  - HS trả lời: thêm vần on  - HS trả lời: thêm vần ôn  - HS trả lời: thêm vần ơn  - HS làm vở BT  - HS thực hiện  - HS lắng nghe  - Số bốn - cơn mưa - chú bé tí hon  - nón lá - con chồn - khôn lớn  - Hs thực hiện  - Hs đọc  - HS lắng nghe |

**Tiết 2: Ôn Tiếng Việt**

**Bài 33: en ên in un**

**I. Mục tiêu:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần *en, ên, in, un;* đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *en, ên, in, un;*

- Viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *en, ên, in, un.*

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *en, ên, in, un* có trong bài học.

- Phát triển kĩ năng quan sát tranh, nhận biết nhân vật, sự việc

**II. Chuẩn bị:**

- Tranh, ảnh/ 32.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** HS hát  - GV đọc cho HS viết on, ôn, ơn  - GV nhận xét, tuyên dương  **2. Luyện tập**  **Bài 1:**  - GV đọc yêu cầu  - GV hướng dẫn HS quan sát đọc tiếng ở cột A và tiếng ở cột B  - GV gợi ý: Tiếng “dế” sẽ nối với tiếng nào bên cột B?  - GV yêu cầu HS Làm việc cá nhân: nối  - Tổ chức chia sẻ bài làm  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 2:**  - GV đọc yêu cầu  - GV cho HS quan sát tranh:  - GV gợi ý: *Em thấy đây là hạt gì trong tranh?*  - Vậy vần cần điền vào chổ chấm là vần gì?  - YC HS đọc lại từ cần điền  - GV tổ chức tương tự cho các hình tiếp theo: *lúa chín, kền kền, đĩa bún*  - GV yêu cầu HS điền các từ vào chỗ chấm.  - YC HS đổi bài kiểm tra bạn  - GV YC HS đọc lại các từ vừa điền vần  - GV nhận xét tuyên dương.  **Bài 3**:  - GV đọc yêu cầu  - GV cho HS đọc lại các tiếng trong khung  - GV cho HS đọc lại các tiếng có trong bài và tìm tiếng có vần *ên, en, un*  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân  - HS làm việc cá nhân  - YC HS chia sẻ bài làm  - YC HS nhận xét bài bạn  - GV nhận xét HS, tuyên dương.  **4. Củng cố, dặn dò:**  - GV cho HS đọc, viết lại âm *en, ên, in, un* vào bảng con và đọc lại.  - Dặn HS về nhà học bài, hoàn thiện các BT chưa hoàn thành vào VBT, chuẩn bị bài tiếp theo.  - Nhận xét, tuyên dương HS. | - HS hát  - HS đọc, viết bảng con  - HS nhận xét  - HS lắng nghe và thực hiện  - HS đọc tiếng ở cột A và cột B  - HS trả lời: tiếng “ mèn”  - HS nối  - 2 -3 bạn đọc các từ nối được  - HS nhận xét bài bạn  - HS lắng nghe và thực hiện  - HS quan sát và trả lời:  - Hình 1: *đỗ đen*  - Vần *en*  - HS đọc: *đỗ đen*  - HS điền từ vào chỗ chấm  - HS đổi bài, kiểm tra  - HS điền và đọc lại từ (cá nhân, đồng thanh)  - HS nhận xét  - HS lắng nghe và thực hiện  - HS đọc: *bến đò, đỗ đen, mưa phùn*  - HS tìm: *bến ,đen, phùn*  - HS thực hiện vào vở  - Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chổ trống:  Mẹ mua chè đỗ đen  Bà ra bến đò về quê  - 2 -3 HS đọc câu hoàn chỉnh  - Nhận xét bài bạn  - HS thực hiện  - HS lắng nghe và thực hiện |

**Tiết 3: HĐTN**

**Bài 4: Yêu thương con người ( tiếp )**

**I. Mục tiêu:**

- Nhận biết được hành động thể hiện sự yêu thương.

- Nêu được ý nghĩa của việc thể hiện hành động yêu thương đối với con người.

- Thực hiện được những hành động yêu thương trong một số tình huống giao tiếp thông thường.

- Hình thành tình yêu thương, ý thức trách nhiệm.

**II. Chuẩn bị:**

- Bài hát có nội dung về tình yêu thương

- Các tình huống thẻ hiện hành vi yêu thương gắn bó với đời sống thực tế của HS

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS hát  **2. Thực hành**  **\* Hoạt động 5: Nhận xét hành động của các bạn trong tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát kĩ từng tranh ở tình huống 1, 2 để nhận diện được tranh nào thể hiện tình yêu thương, tranh nào thể hiện sự chưa yêu thương  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp để phân tích và nhận xét hành động của từng bạn trong các tình huống  - GV khích lệ các cặp đôi chia sẻ phân tích và nhận xét hành động của các bạn, đồng thời yêu cầu cả lớp tập trung lắng nghe tích cực để học hỏi, nhận xét, góp ý,…  - GV cùng HS nhận xét, phân tích và khẳng định cách xử lí phù hợp, thể hiện tình yêu thương con người trong tình huống 1 và phê phán thái độ thờ ơ, vô cảm của bạn trong tình huống 2  **\* Hoạt động 6: Chia sẻ cảm xúc**  - GV nêu câu hỏi:  1/Em cảm thấy thế nào khi thực hiện lời nói, hành động yêu thương?  2/Khi em nhận được sự yêu thương của mọi người, em cảm thấy thế nào?  - GV ghi ý kiến lên bảng. Bổ sung thêm những cảm xúc có thể có khi con người thể hiện hoặc nhận được sự yêu thương của người khác để HS nhận biết thêm những cảm xúc mà các em chưa nêu hết  - GV phân tích và tổng hợp những ý chính  **\* Hoạt động 7: Thể hiện tình yêu thương trong cuộc sống hằng ngày**  - GV yêu cầu HS thể hiện lời nói và hành vi yêu thương đối với mọi người trong gia đình  - Đồng thời thể hiện lời nói và hành vi yêu thương trong các tình huống ở trường và nơi em sống  Tổng kết:  - Gv yêu cầu HS chia sẻ những điều thu hoạch/ học được/ rút ra được bài học kinh nghiệm sau khi tham gia các hoạt động  - Gv nêu thông điệp: *Để cuộc sống tươi đẹp hơn, ta cần luôn yêu thương mọi người*  **Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét tiết học  - Dặn dò chuẩn bị tiết sau | - HS tham gia  - HS quan sát tranh  - HS lắng nghe, thảo luận nhóm theo yêu cầu  - HS theo dõi  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe yêu cầu  - HS chia sẻ trước lớp, nhận xét  - HS theo dõi, lắng nghe  - HS chia sẻ  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe, nhắc lại  - HS lắng nghe |

**Thứ năm ngày 29 tháng 10 năm 2020**

**Tiết 3+4: Tiếng Việt**

**Am âm ăm**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Đọc: Nhận biết và đọc đúng vần am, âm, ăm; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần am, âm, ăm; hiểu và trả lời được các cầu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Viết đúng vần am, âm, ăm; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần am, âm, ăm.

- Nghe và nói: Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần am, âm, ăm có trong bài học.

Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Môi trường sống của loài vật (được gợi ý trong tranh). Nói về các loài vật, về môi trường sống của mỗi loài. Kể về một con vật được nuôi ở ở gia đình em hay nhà hàng xóm. Phát triển kĩ năng giao tiếp

**2. Phẩm chất**

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống qua hiểu biết về loài vật.

**II. Chuẩn bị:**

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, và cách viết các vần am, âm, ăm

- Hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học như: sâm, râm ran,..

+ Sâm: một loại cây có củ và rễ dùng làm thuốc bổ.

+ Râm ran: (âm thanh) hoà vào nhau rộn rã liên tiếp, thành từng đợt.

- Hiểu biết về môi trường sống của mỗi loài vật: chim sống trên trời, cá tôm sống dưới nước, các loài thủ sống trên mặt đất (có thể sống trong rừng: voi, gấu, khi, sóc, hưou, nai,.; có thể nuôi ở nhà: chó, mèo, trâu, bò, lợn, dê,...)

- Nhận diện rõ ràng về chim, thủ,. để có thể đưa dẫn chứng một cách sát thực, chính xác.

**III. Các hoạt động dạy học:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  - GV cho HS viết bảng en, ên, un, in  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - GV thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh (Gợi ý: Có một chú nhện. Chú nhện chăm chủ nhìn tấm lưới do mình dệt ra. Tăm lưới rất đẹp..)  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng cần nhận biết và yêu câu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS đọc theo GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Nhện ngắm nghĩa/ tấm lưới vừa là xong.  - GV giới thiệu các vấn mới am, âm, ăm. Viết tên bài lên bảng.  **3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ**  a. Đọc vần  - So sánh các vần: + GV giới thiệu vần am, âm, ăm  + GV yêu cầu HS so sánh vần am, âm, ăm để tìm ra điểm giống và khác nhau.  (Gợi ý: Giống nhau là đều có m đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: a,ă,â).  + GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  - Đánh vần các vần  + GV đánh vần mẫu các vẫn am, âm, ăm. GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai.  + GV yêu cầu HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vấn cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - Đọc trơn các vần  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  - Ghép chữ cái tạo vần  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần am.  + GV yêu cầu HS tháo chữ a, ghép â vào để tạo thành âm.  + GV yêu cầu HS tháo chữ â, ghép ă vào để tạo thành ăm.  - Lớp đọc đồng thanh am, âm, ăm một số lần.  b. Đọc tiếng  - Đọc tiếng mẫu  + GV giới thiệu mô hình tiếng làm. (GV: Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng? Hãy lấy chữ ghi âm l ghép trước am, dấu huyền ta được tiếng nào?  + GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng làm.  + GV yêu cầu một số (4 5) HS đánh vần tiếng làm. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng làm.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng làm. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng làm.  - Đọc tiếng trong SHS  + Đánh vần tiếng: GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nói tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. (HS nào lúng tùng không đọc trơn ngay được thì GV cho HS đó đánh vẫn lại tiếng). Mỗi HS đọc trơn một tiếng, nối tiếp nhau, hai lượt.  + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  - Ghép chữ cái tạo tiếng  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần am, âm, ăm. (GV đưa mô hình tiếng làm, vừa nói vừa chỉ mô hình: Muốn có tiếng "làm" chúng ta thêm chữ ghi âm c vào trước vần am. Hãy vận dụng cách làm này để tạo các tiếng có chứa vần âm hoặc vần ăm vừa học! GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)".  + GV yêu cầu HS đọc tiếng vừa ghép được. +GV yêu cầu HS phân tích tiếng  + GV yêu cầu HS nêu lại cách ghép,  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  c. Đọc từ ngữ  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: quả cam, tăm tre, củ sâm. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn quả cam  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ quả cam xuất hiện dưới tranh.  - GV nêu yêu HS nhận biết tiếng chứa vần am trong quả cam  - GV nêu yêu HS phân tích và đánh vần quả cam, đọc trơn từ quả cam.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với tăm tre, củ sâm  - GV nêu yêu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  d. Đọc lại các tiếng  - GV có thể cho nhóm đôi đọc cho nhau nghe, gọi một số HS đọc, cuối cùng cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vấn am,ăm,âm  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vấn am,ăm,âm.  - HS viết vào bảng con: am,ăm,âm, cam, tăm, sâm (chữ cỡ vừa).  - HS viết vào bảng con từng vần và tiếng chứa vần đó  - GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - Sau khi HS viết xong mỗi vần và tiếng chứa vần đó, GV đưa bảng con của một số HS để các bạn khác nhận xét chữ viết, GV sửa (nếu cán). HS xoá bảng để viết vần và tiếng tiếp theo.  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - Hs chơi  - HS viết  - HS trả lời  - Hs lắng nghe  - HS đọc  - HS đọc  - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs lắng nghe  - HS trả lời  - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe, quan sát  - HS đánh vần tiếng mẫu  - Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - HS đọc trơn tiếng mẫu.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - HS tìm  - HS ghép  - HS ghép  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS thực hiện  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng làm.  - HS đọc trơn tiếng làm . Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng làm.  - HS đánh vần, lớp đánh vần  - HS đọc  - HS đọc  - HS tự tạo  - HS đọc  - HS phân tích  - HS ghép lại  - Lớp đọc trơn đồng thanh  - HS lắng nghe, quan sát  - HS nói  - HS nhận biết  - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS đọc  - HS đọc  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  - HS viết  - HS viết  - HS quan sát  - HS lắng nghe |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV đưa vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao của các con chữ.  - GV hướng dẫn HS viết đúng điểm đặt bút và đúng số lần theo yêu cầu, Lưu ý khoảng  cách giữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cấm bút.  - GV yêu cầu HS viết vào vở các vần am, ăm, âm, cam, tăm, sâm  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách  - GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.  **6. Đọc**  - GV đọc mẫu cả đoạn  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần am,ăm,âm, cam, tăm, sâm  - GV yêu cầu một số (4 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vấn tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần am,ăm,âm trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  Âm thanh nào báo hiệu mùa hè đã đến Hoa sen nở vào mùa nào? Trên thảm cỏ ven hồ, lũ trẻ làm gì?...  (Gợi ý: Tiếng ve râm ran báo hiệu mùa hè đến. Hoa sen nở vào mùa hè. Trên thảm cỏ ven hó, lũ trẻ đang nô đùa,.)  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS, Tranh vẽ cảnh ở đâu? Em nhìn thấy các con vật nào trong tranh? Mỗi con vật đang làm gì? Đâu là nơi sinh sống của từng loài vật? Kể tên các loài vật khác và nơi sinh sống của chúng mà em biết?  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS trả lời những câu hỏi trên (Gợi ý: Tranh vẽ cành ở một khu rừng, có suối chảy phía trên là thác. Trong tranh, có hai chú nai (đang cúi xuống uống nước), chủ hươu đang đứng bên bờ suối, có cá đang bơi, có vài con chim đang bay. Nai sống trong rừng. Cá sống dưới nước. Chim sống trên trời. Các loài vật khác: hươu, khi, vượn, gấu, voi, hổ,.. sống trong rừng. Chó, mèo, để, lợn,.. nuôi trong nhà. Tôm, cua, ốc,.. sống dưới nước,...).  - GV yêu cầu HS chia nhóm: kể tên các con vật được nuôi trong nhà và giới thiệu với các bạn về một con vật trong số đó.  - GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức giữ gìn môi trường sống cho động vật.  **8. Củng cố**  - HS tham gia trò chơi để tìm một số từ ngữ chứa vần am, ăm, âm và đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm.  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS kể  - Hs lắng nghe  - HS chơi  - HS làm |

**Thứ sáu ngày 30 tháng 10 năm 2020**

**Tiết 1+2: Tiếng Việt**

**Ôn tập và kể chuyện**

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực**

- Nắm vững cách đọc các vần on,ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các vần on ,ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết từ ngữ chứa một số âm chữ đã học.

- Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể câu chuyện Gà nâu và vịt xám. Câu chuyện cũng giúp HS rèn kỹ năng: đánh giá sự việc có ý thức giữ gìn, trân trọng tình bạn

**2. Phẩm chất**

- Cảm nhận, giữ gìn, trân trọng tình bạn.

**II. Chuẩn bị:**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của vần on,ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm; cấu tạo và cách viết các chữ ghi vần on,ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này. Chú ý nghĩa của những từ ngữ khó hoặc dễ nhầm lẫn.

- Những lỗi về chữ viết dễ mắc do phát âm phương ngữ

**III. Các hoạt động dạy học:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS viết on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm  **2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  a. Đọc tiếng:  - GV yêu cầu HS ghép âm dấu với nguyên âm để tạo thành tiếng (theo mẫu) và đọc to  tiếng được tạo ra: theo cá nhân, theo nhóm và đồng thanh cả lớp.  - Sau khi đọc tiếng có thanh ngang, GV có thể cho HS bổ sung các thanh điệu khác nhau để tạo thành những tiếng khác nhau và đọc to những tiếng đó.  b. Đọc từ ngữ:  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cá nhân, nhóm), đọc đóng thanh (cả lớp). Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức hoạt động dạy học ở mục 2 này bằng cách tổ chức trò chơi phù hợp với HS. Tuy nhiên, cần đảm bảo yếu tố thời gian của tiết học.  **3. Đọc câu**  - GV yêu cầu HS đọc thầm cả đoạn; tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.  - GV đọc mẫu.  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đống thanh theo GV.  - GV hỏi HS một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  Khi nhìn thấy rùa, thỏ đã nói gì? Thái độ của rùa ra sao khi bị thỏ chế? Câu thảo cho thấy rùa có gắng để thi cùng thỏ? Kết quả cuộc thi thế nào?  Em học được điều gì từ nhân vật rùa? (Gợi ý: Thấy rủa, thỏ nói "Quả là chậm như rùa. Khi bị thỏ chế, rùa vẫn ôn tồn, nhẹ nhàng, không tức giận. Câu nói cho thấy rủa rất có gắng: Thỏ nhòn nhơ múa ca, rủa cứ bò cấn mản. Kết quả, rùa thắng cuộc. Bài học: không chủ quan, không coi thường người khác.  - GV và HS thống nhất cầu trả lời.  **4. Viết**  - GV hướng dẫn HS viết vào Tập viết 1, tập một. Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gian cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV lưu ý HS cách nối nét giữa các chữ cái.  - GV quan sát, nhận xét và sửa lỗi cho HS. | - Hs viết  - Hs ghép và đọc  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  - Hs lắng nghe  - Một số (4 5) HS đọc sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs lắng nghe  - HS viết  - HS nhận xét |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Kể chuyện**  a. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.  Đoạn 1: Từ đầu đến vượt sông cạn để kiếm ăn. GV hỏi HS:  1. Đôi bạn thân trong câu chuyện là những ai?  2. Hằng ngày, đôi bạn gà nấu và vịt xám làm gi?  Đoạn 2: Từ Một năm đến có minh rồi mà, GV hỏi HS:  3. Chuyện gì xảy ra khiến gà nâu không thể sang sông  4. Ai đã an ủi gà nâu lúc khó khăn  Đoạn 3: Từ Thế là đến yên ổn trở lại, GV hỏi HS:  5. Vịt đã giúp gà bằng cách nào?  6. Vì sao gà nhờ vịt công qua sông để tự kiếm ăn?  Đoạn 4: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  7. Thương vịt vất vả, gà giúp bạn việc gì?  8. Vì sao vịt không còn nhớ đến việc ấp trứng?  - HS nhìn theo tranh để kể lại từng đoạn của câu chuyện. GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phủ hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể.  b. HS kể chuyện  - GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ câu chuyện.GV cần tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kế. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kế chuyện. Tuỷ vào khả năng của HS và điều kiện thời gian để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả.  **6. Củng cố**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: kế cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè câu chuyện. Ở tất cả các bài, truyện kế khỏng nhất thiết phải đấy đủ và chính xác các chi tiết như được học ở lớp. HS chỉ cần nhớ một số chi tiết cơ bản và kế lại. | - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - HS kể  - HS kể  - HS lắng nghe |

**Tiết 3: Ôn Tiếng Việt**

**Ôn** **am ăm âm**

**I. Mục tiêu:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần *am, ăm, âm;* đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *am, ăm, âm;*

- Viết đúng vần *am, ăm, âm;* viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *am, ăm, âm.*

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *am, ăm, âm* có trong bài học

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm *Môi trường sống của loài vật* (được gợi ý trong tranh).

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống qua hiểu biết về loài vật.

- Phát triển kĩ năng quan sát tranh, nhận biết nhân vật, sự việc

**II. Chuẩn bị:**

- Tranh, ảnh/ 33, phiếu phóng to bài tập 1

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** HS hát  - GV cho hs đọc lại bài học buổi sáng.  - GV nhận xét, tuyên dương  **2. Luyện tập**  **Bài 1**:  - GV cho HS quan sát tranh bài 1.  - GV đọc yêu cầu  - GV gợi ý: Em thấy gì ở các tranh?  - GV hướng dẫn HS quan sát kĩ tranh và nối cho phù hợp.  - GV yêu cầu HS Làm việc cá nhân.  - YC HS chia sẻ bài làm trên phiếu bài  tập  - GV cho HS tìm tiếng chứa vần đã học  - YC HS đọc lại bài làm  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2**:  - GV đọc yêu cầu  - GV chiếu ảnh 1 trên màn hình:  - GV gợi ý: Em thấy đây là quả gì trong tranh?  - Vậy vần cần điền vào chổ chấm là vần gì?  - YC HS đọc lại từ cần điền  - GV tổ chức tương tự cho các hình tiếp theo: *ấm chén, lọ tăm*  - GV yêu cầu HS điền các từ vào chỗ chấm.  - YC HS đổi bài kiểm tra bạn  - GV YC HS đọc lại các từ vừa điền vần  GV nhận xét tuyên dương.  **Bài 3:**  - GV đọc yêu cầu  - GV cho HS đọc lại các tiếng trong khung  - GV cho HS đọc lại các tiếng có trong bài và tìm tiếng có vần *am, ăm, âm*  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân  - YC HS chia sẻ bài làm  - YC HS nhận xét bài bạn  - GV nhận xét HS, tuyên dương.  **3. Củng cố, dặn dò:**  - HS cho HS đọc, viết lại âm *am, ăm, âm* vào bảng con và đọc lại.  - Dặn HS về nhà học bài, hoàn thiện các BT chưa hoàn thành vào VBT, chuẩn bị bài tiếp theo. | - HS hát  - 2 – 3 HS đọc  - HS nhận xét  - HS quan sát, lắng nghe và thực hiện  - Hs nhắc lại yêu cầu. Nối  - Hs nêu lần lượt theo tranh: Cái cằm, củ sâm, con tằm, tấm thảm  HS làm bài cá nhân vào vở  Cái cằm ………… H1  Con tằm ………….H 2  Củ sâm ………… Hình 4  Tấm thảm ………….Hình 3  - 2 HS lên nối trên phiếu bài tập  - Nhận xét bài bạn  - HS tìm: cằm, sâm, tằm, tấm, thảm  - 2 HS đọc lại  - HS lắng nghe và thực hiện  - HS quan sát và trả lời:  Hình 1: *quả cam*  Vần *am*  - HS đọc: *quả cam*  - HS điền từ vào chỗ chấm  - HS đổi bài, kiểm tra  - HS điền và đọc lại từ (cá nhân, đồng thanh)  - HS nhận xét  - HS lắng nghe và thực hiện  - HS đọc: *thăm, quả cam, chăm chỉ*  - HS tìm: *thăm, cam, chăm*  - HS thực hiện vào vở  - Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chổ trống:  Bé chăm chỉ  Mẹ cho bé đi thăm bà  - 2 -3 HS đọc câu hoàn chỉnh  - Nhận xét bài bạn  - HS đọc bài  - HS lắng nghe và thực hiện |

**Tiết 4: Sinh hoạt tập thể**

**I. Mục tiêu:**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- GDHS chủ đề 2 “Em biết yêu thương”

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

- Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

**II. Chuẩn bị:**

- Băng đĩa nhạc, bảng phụ tổ chức trò chơi, bông hoa khen thưởng…

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** |
| **. Ổn định tổ chức:**  - GV hướng dẫn lớp trưởng lên ổn định lớp học.  **2. Sơ kết tuần và thảo luận kế hoạch tuần sau**  a. Sơ kết tuần học  - Dựa trên những thông tin thu thập được về hoạt động học tập và rèn luyện của lớp, giáo viên chủ nhiệm góp ý, nhận xét và đánh giá về:  + Phát hiện và tuyên dương, động viên kịp thời các cá nhân đã có sự cố gắng phấn đấu trong tuần.  + Nhắc nhở chung và nhẹ nhàng trên tinh thần góp ý, động viên, sửa sai để giúp đỡ các em tiến bộ và hoàn thiện hơn trong học tập và rèn luyện… (không nêu cụ thể tên học sinh vi phạm hay cần nhắc nhở trước tập thể lớp).  + Tiếp tục rút kinh nghiệm với những kết quả đạt được đồng thời định hướng kế hoạch hoạt động tuần tiếp theo.  b. Xây dựng kế hoạch tuần tới  - GV đưa ra kế hoạch tuần tới  **3. Sinh hoạt theo chủ đề**  - Chúc mừng và học hỏi các bạn đạt danh hiệu Sao nhi đồng chăm ngoan của lớp  **a. Cá nhân tự đánh giá**  - GV hướng dẫn HS tự đánh giá theo các mức độ dưới dây:  - Tốt: Nhận xét được những hành vi yêu thương và chưa yêu thương trong tình huống thể hiện qua tranh; Chia sẻ được cảm xúc sâu sắc khi thể hiện yêu thương và được yêu thương  - Đạt: Nhận xét được những hành vi yêu thương và chưa yêu thương trong 2 tranh ở hoạt động 5, nhưng chưa chia sẻ được cảm xúc khi thể hiện yêu thương và được yêu thương, nhưng chưa sâu sắc  - Cần cố gắng: Nhận diện được hành vi yêu thương trong tranh 1, chưa nhân diện được biểu hiện chưa yêu thương trong tranh 2 ở hoạt động 5; Chưa chia sẻ được cảm xúc khi thể hiện yêu thương và được yêu thương  **b. Đánh giá theo tổ/ nhóm**  - GV HD tổ trưởng/ nhóm trưởng điều hành để các thành viên trong tổ/ nhóm đánh giá lẫn nhau về các nội dung sau:  +Có sáng tạo trong thực hành hay không  +Thái độ tham gia hoạt động có tích cực, tự giác, hợp tác, trách nhiệm,… hay không  **c.Đánh giá chung của GV**  - GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ/nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung  **4. Củng cố - dặn dò**  - Nhận xét tiết học của lớp mình.  - GV dặn dò nhắc nhở HS | - HS hát một số bài hát.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS tự đánh gía  - HS đánh giá lẫn nhau  - HS theo dõi |